



guāng tiān huà rì

光天化日

idiom · in broad daylight

Example Sentences

Guāng tiān huà rì zhī xià tā jǐng gǎn tōu dōng xī
光天化日之下，他竟敢偷东西。

In broad daylight, he dared to steal.

Zhè zhǒng qiǎng jié fā shēng zài guāng tiān huà rì ràng rén zhèn jīng
这种抢劫发生在光天化日，让人震惊。

This kind of robbery happened in broad daylight, shocking people.

Trace each character, then write the word on your own.

光	光	光	光	光	光	光	光	光		
天	天	天	天	天	天	天				
化	化	化	化	化	化	化				
日	日	日	日	日	日	日				